TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diện.

2. Bà Lý Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1991; dân tộc: Mường; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Công P, sinh năm 1982; dân tộc: Kinh; vắng mặt

Cùng cư trú tại: Tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Công P kết hôn với nhau năm 2006 trên

cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh L. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 18 xã xã L, huyện S, tỉnh L. Sau một thời gian anh chị chuyển đến sinh sống với bố mẹ chồng tại tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc trong một thời gian ngắn sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Công P thường xuyên uống rượu, gây sự, chửi bới, đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình góp ý khuyên giải nhưng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu có níu kéo duy trì cuộc hôn nhân này cũng không có hạnh phúc nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Nguyễn Công P trình bày: Thời gian vợ chồng chung sống cũng như việc kết hôn chị N đã trình bày là đúng. Năm 2006, anh kết hôn với chị Phạm Thị N trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương sau đó chuyển đến tỉnh L làm ăn và sinh sống. Do bị mất giấy đăng ký kết hôn nên anh chị đã đến đăng ký kết hôn lại tại UBND xã L, huyện S, tỉnh L. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 18 xã L, huyện S, tỉnh L. Sau một thời gian thì vợ chồng anh chị chuyển về sinh sống tại tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra một số bất đồng về quan điểm sống và tư tưởng dẫn đến cãi vã, đánh nhau và chị N bỏ lên nhà chị dâu khoảng 2 tháng, sau đó anh có lên đón chị N về, nhưng ngay sau đó chị N lại đòi bỏ đi. Trong lúc nóng giận, anh có kéo lại không cho đi nhưng chị N vẫn cương quyết bỏ đi. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình đã khuyên ngăn, nhưng tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Ngoài mâu thuẫn trên vợ chồng anh chị không còn mâu thuẫn nào khác. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau nên không chia sẻ và quan tâm đến nhau trong cuộc sống gia đình, tuy nhiên đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ gia đình nào cũng có, vì vậy anh mong muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh P không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Công P đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008. Khi ly hôn chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Công P có thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Hồng P1 cho anh Nguyễn Công P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2019 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với chị Lê Thị H là chị dâu của anh Nguyễn Công P phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Công P kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh L. Sau đó một thời gian vợ chồng anh chị mới chuyển đến sinh sống với bố mẹ chồng tại tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc trong một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là xuất phát từ cả hai phía bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Nhiều lần sau khi chị N và anh P xảy ra cãi vã, xô xát chị N có lên nhà chị sinh sống một thời gian. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình, tổ dân phố góp ý, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Vợ chồng anh chị N P đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P là đúng thực tế, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh P có 01 con chung là Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008. Hiện nay cháu P1 đang sống cùng anh P. Đề nghị Tòa án lấy lời khai của cháu để giải quyết theo quy định của pháp luật và nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như tâm sinh lý của cháu; về điều kiện nuôi con thì cả hai anh chị đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Về tài sản chung: Chị N và anh P không có tài sản chung.

Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2019 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Nông Quang C là Tổ trưởng tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G là nơi anh chị đang sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Theo ông được biết, chị N và P kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh L. Sau đó một thời gian anh chị mới chuyển đến sinh sống tại tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc trong một thời gian ngắn sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu, gây sự, chửi bới, đánh đập chị N dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình, hàng xóm, tổ dân phố góp ý khuyên giải nhưng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Tôi nhận thấy, giữa chị N và anh P xảy ra mâu thuẫn là đúng thực tế và hiện nay cả hai anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai

người ấy làm. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008. Hiện nay cháu P1 đang sống với anh P. Về điều kiện nuôi con, hai anh chị đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, đề nghị Tòa án lấy lời khai của cháu để giải quyết theo quy định của pháp luật và nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như tâm, sinh lý của cháu. Về tài sản chung: Theo ông biết anh chị không có tài sản chung.

Tại phiên toà hôm nay, chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị có trình bày rõ chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Công P và nhất trí giao cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008 cho anh P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh Nguyễn Công P, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại bản tự khai và phiên hòa giải anh P nhất trí với quan điểm về phần con chung của chị N nhưng không nhất trí ly hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Công P. Việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008 cho anh Nguyễn Công P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi, chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Công P, mà anh Nguyễn Công P cư trú tại tổ N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Công P vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công P. Nguyên đơn là chị Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Công P có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2010 tại UBND xã L, huyện S, tỉnh L trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình, tổ dân phố hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến tháng 12 năm 2018 anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. không còn quan tâm đến nhau. Lời trình bày của anh P tại bản tự khai và lời trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án qua phản ánh của chị dâu anh P, tổ trưởng tổ dân phố nơi anh chị sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Công P.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Công P đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008. Trên cơ sở lời khai của cháu P1 mong muốn ở cùng với anh P, ngoài ra anh P, chị N thỏa thuận thống nhất anh Nguyễn Công P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hồng P1 sinh ngày 14/07/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh P không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Hồng P1, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P1 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Công P.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Công P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hồng P1, sinh ngày 14/07/2008 cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh P và chị N có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0000693, ngày 21/02/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND x.L, h.S, t.L;
- UBND TT Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh

Nguyễn Đàm Thuyên Nguyễn Hồng Diện Đinh Thị Hồng